

Phụ lục
Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh
thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Đính kèm Công văn số /NHNN-VP ngày tháng 6 năm 2026)

STT	Ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	Điều kiện đầu tư kinh doanh	Văn bản quy phạm pháp luật
1	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại	1. Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động đối với ngân hàng thương mại cổ phần a) Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định; b) Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn; c) Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các TCTD bao gồm: - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này; + Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; + Có trình độ từ đại học trở lên; + Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là	- Khoản 1 Điều 29 và Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15; - Điều 4 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP.

		người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Không phải là người đang làm việc cho tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kề trước đó; + Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng đó, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng; + Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng đó, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó; + Không đại diện sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng đó; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng đó; + Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó. - Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện	
--	--	---	--

		sau đây: + Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41 Luật các TCTD; + Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; + Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; + Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng đó; + Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. - Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này; + Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; + Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; + Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. - Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con và các	
--	--	---	--

		chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật các TCTD; đối với Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) phải không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các TCTD; + Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; + Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm; + Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán. d) Điều lệ phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng. e) Điều kiện đối với cổ đông sáng lập của ngân hàng thương mại cổ phần: + Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác. + Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50%	
--	--	--	--

		vốn điều lệ khi thành lập ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập nhưng không vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng. + Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP, cổ đông sáng lập là cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau: (i) Mang quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; (ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan; (iii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần; (iv) Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc có bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; (v) Không bị kết án về tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng mà chưa được xóa án tích; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, mua trái phiếu doanh nghiệp trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy	
--	--	---	--

		phép. + Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP, cổ đông sáng lập là tổ chức phải đáp ứng các điều kiện sau: (i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam; (ii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần; (iii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; (v) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; (vi) Trường hợp là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (vii) Trường hợp là doanh nghiệp nhà nước, phải được phép tham gia góp vốn theo quy định của pháp luật; (viii) Trường hợp là tổ chức được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về	
--	--	---	--

		ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm; (ix) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 (hai) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; (x) Trường hợp là ngân hàng thương mại: Có tổng tài sản tối thiểu là 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; Không vi phạm các tỷ lệ về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; Tuân thủ điều kiện, giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng; Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần; Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng và không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.	
--	--	--	--

		2. Điều kiện thành lập chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại - Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị; + Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị; + Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật Các tổ chức tín dụng) và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này trong các tháng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị; + Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị; + Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền trước năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền trước tháng đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; + Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn	Điều 6 Thông tư số 61/2025/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2026/TT-NHNN)
--	--	---	--

		của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc; + Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ), cấp tín dụng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị; + Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới; + Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh được phép thành lập theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 61/2025/TT-NHNN; + Trường hợp đề nghị thành lập chi nhánh ở địa bàn không phải vùng nông thôn, ngân hàng thương mại phải được xếp hạng A, B theo kết quả xếp hạng được Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận (trừ ngân hàng thương mại không thuộc đối tượng xếp hạng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài). - Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị: + Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị; + Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong các tháng liền trước kể từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị; + Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định	
--	--	---	--

		của pháp luật tại quý trước liền kề thời điểm đề nghị; tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; + Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ), cấp tín dụng kể từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị; + Các quy định tại các điểm đ, g và h khoản 1 Điều 6 Thông tư số 61/2025/TT-NHNN.	
		3. Điều kiện thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài - Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật Các tổ chức tín dụng) và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này trong các tháng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị; - Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử	Điểm b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 6, Điều 9 Thông tư số 61/2025/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2026/TT-NHNN)

		dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị; - Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền trước năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền trước tháng đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; - Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ), cấp tín dụng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị; - Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới; - Được xếp hạng A, B theo kết quả xếp hạng do Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận (trừ trường hợp không thuộc đối tượng xếp hạng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài). - Có thời gian hoạt động tối thiểu là 03 năm (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị). - Có tổng tài sản Có đạt 100.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị. - Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong 03 năm trước liền kề năm đề nghị.	
		4. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp	Điều 10 Thông tư số 61/2025/TT-

		ở trong nước và văn phòng đại diện ở nước ngoài - Có thời gian hoạt động tối thiểu là 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị). - Trường hợp thành lập văn phòng đại diện, ngoài việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, ngân hàng thương mại phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 Thông tư số 61/2025/TT-NHNN	NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2026/TT-NHNN)
		5. Điều kiện thành lập phòng giao dịch - Các điều kiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 6 Thông tư số 61/2025/TT-NHNN. - Trường hợp đề nghị thành lập phòng giao dịch ở địa bàn không phải vùng nông thôn, ngân hàng thương mại phải được xếp hạng A, B theo kết quả xếp hạng do Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận (trừ trường hợp không thuộc đối tượng xếp hạng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài). - Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng các điều kiện sau đây: + Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị); + Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; + Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng	Điều 11 Thông tư số 61/2025/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2026/TT-NHNN)

		liền trước tháng đề nghị; + Có chênh lệch thu chi của năm trước liền kề năm đề nghị dương. - Đáp ứng yêu cầu về số lượng phòng giao dịch được thành lập theo quy định tại Điều 7 và Điều 12 Thông tư số 61/2025/TT-NHNN	
		6. Điều kiện chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài - Đảm bảo là ngân hàng con của ngân hàng thương mại theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư 61/2025/TT-NHNN sau khi chuyển đổi hình thức pháp lý. - Trường hợp ngân hàng thương mại tăng vốn tại ngân hàng con khi ngân hàng con chuyển đổi hình thức pháp lý, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 24, Thông tư 61/2025/TT-NHNN phải đáp ứng các điều kiện sau: + Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật Các tổ chức tín dụng) và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này trong các tháng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị; + Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị; + Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền trước năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền trước tháng đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo	Điều 24 Thông tư số 61/2025/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2026/TT-NHNN)

		quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; + Có tổng tài sản Có đạt 100.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị; + Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong 03 năm trước liền kề năm đề nghị.	
		7. Điều kiện sáp nhập tổ chức tín dụng - Tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất phải có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định tương ứng với loại hình của tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất theo quy định của pháp luật. - Sau khi sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ phần vốn góp, sở hữu cổ phần.	Điều 9 Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 26/2025/TT-NHNN, Thông tư số 69/2025/TT-NHNN, Thông tư số 11/2026/TT-NHNN)
		8. Điều kiện hợp nhất tổ chức tín dụng - Tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất phải có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định tương ứng với loại hình của tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất theo quy định của pháp luật. - Sau khi sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ phần vốn góp, sở hữu cổ phần.	Điều 9 Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 26/2025/TT-NHNN, Thông tư số 69/2025/TT-NHNN, Thông tư số 11/2026/TT-NHNN)
		9. Điều kiện chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng a) Đối với trường hợp tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty	Điều 16 Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi

		trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần, phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: (i) Tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng điều kiện thực hiện chào bán cổ phiếu theo quy định của pháp luật có liên quan đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần; (ii) Cổ đông sáng lập (nếu có), cổ đông lớn, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật đối với cổ đông sáng lập của tổ chức tín dụng khi thành lập mới, trừ trường hợp cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược là ngân hàng thương mại nhận chuyển giao bắt buộc đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc; (iii) Cổ đông, cổ đông chiến lược là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; (iv) Tổ chức, cá nhân mua cổ phần phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về tỷ lệ sở hữu cổ phần và quy định về mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác (đối với trường hợp tổ chức mua cổ phần là ngân hàng thương mại). b) Đối với trường hợp tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn, phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: (i) Chủ sở hữu, thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khi thành lập mới; (ii) Thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp	Thông tư số 26/2025/TT-NHNN, Thông tư số 69/2025/TT-NHNN, Thông tư số 11/2026/TT-NHNN)
--	--	---	---

		vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải tuân thủ quy định của pháp luật về tỷ lệ phần vốn góp.	
		10. Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng *Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN (trừ công ty con là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản): a) Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng có nội dung hoạt động góp vốn, mua cổ phần; b) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần; c) Đảm bảo tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần; d) Kết quả hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; đ) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, góp vốn, mua cổ phần trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị; e) Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhỏ hơn 3% trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị; g) Đảm bảo có cơ cấu tổ chức quản lý; số lượng thành viên, cơ cấu, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tuân thủ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị.	Điều 5 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2026/TT-NHNN)

		* Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty liên kết quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN (trừ công ty liên kết là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản): a) Các điều kiện quy định tại điểm a, d, đ, e, g khoản 1 Điều 5 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025; b) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần; c) Đảm bảo tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần. 3. Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản: a) Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng có nội dung hoạt động góp vốn, mua cổ phần; b) Đảm bảo tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần; c) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần. * Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần đối với doanh nghiệp khác hoạt động trong các lĩnh vực quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN: a) Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025; b) Đảm bảo tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn	
--	--	--	--

		trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong 24 tháng liên kế trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần. * Điều kiện thực hiện chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025: a) Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ, g khoản 1 Điều 5 Thông tư số 60/2025/TT-NHNN; b) Khoản nợ được chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần phải là khoản nợ xấu và việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần là để xử lý khoản nợ xấu. Nợ xấu là nợ được xác định theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	
		*Hoạt động ngoại hối:	
		11. Điều kiện chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước - Có hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro, an toàn, bảo mật đối với hoạt động ngoại hối như: Hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động ngoại hối, các thiết bị lưu trữ thông tin, dữ liệu; phương án dự phòng thảm họa; các phần mềm hỗ trợ việc thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến ngoại hối. - Có quy định nội bộ về quản lý rủi ro liên quan đến các hoạt động ngoại hối đề nghị thực hiện.	Điều 8 Thông tư số 21/2014/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-NHNN, Thông tư số 75/2025/TT-NHNN)
		12. Điều kiện chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế + Có hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro, an toàn, bảo mật đối với hoạt động ngoại hối như: Hệ thống máy móc, thiết bị phục	Điều 9 Thông tư 21/2014/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-NHNN, Thông tư số 75/2025/TT-NHNN)

		vụ cho hoạt động ngoại hối, các thiết bị lưu trữ thông tin, dữ liệu; phương án dự phòng thảm họa; các phần mềm hỗ trợ việc thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến ngoại hối. + Có quy định nội bộ về quản lý rủi ro liên quan đến các hoạt động ngoại hối đề nghị thực hiện. + Có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn tổ chức đối tác và xác định hạn mức giao dịch đối với đối tác nước ngoài; trong đó đối tác nước ngoài mà tổ chức tín dụng được phép có giao dịch tiền gửi (không phải tiền gửi thanh toán) phải là các tổ chức tài chính nước ngoài có hệ số xếp hạng tín nhiệm từ mức Baa3/P-3 theo đánh giá xếp hạng của Moody's Investor Service trở lên hoặc từ mức BBB-/A-3 theo đánh giá xếp hạng của Standard & Poor's trở lên hoặc từ mức BBB-/F3 theo đánh giá xếp hạng của Fitch Ratings trở lên.	
		13. Điều kiện chấp thuận hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế 1. Trong từng thời kỳ, căn cứ mục tiêu của chính sách tiền tệ, chính sách quản lý ngoại hối, ngân hàng thương mại được xem xét, cho phép thực hiện có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi đáp ứng các điều kiện sau: a) Có quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ với các biện pháp quản lý rủi ro đối với từng hoạt động ngoại hối đề nghị được thực hiện; b) Có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn tổ chức đối tác, hạn mức giao dịch phù hợp đối với từng đối tác nước ngoài; c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng trong năm liền kề năm nộp hồ sơ đề	Điều 10 Thông tư số 21/2014/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-NHNN, Thông tư số 75/2025/TT-NHNN)

		nghị cấp phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép; d) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động ngoại hối năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép; đ) Hoạt động kinh doanh ngân hàng có lãi trong năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép theo báo cáo tài chính được kiểm toán. 2. Điều kiện để ngân hàng thương mại được xem xét, cho phép gia hạn thực hiện hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế bao gồm: a) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động ngoại hối trong quá trình thực hiện các hoạt động ngoại hối có thời hạn; b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng trong năm liền kề năm đề nghị gia hạn và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn; c) Hoạt động kinh doanh ngân hàng có lãi trong năm liền kề năm đề nghị gia hạn theo báo cáo tài chính được kiểm toán.	
		14. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức nhận ủy thác là ngân hàng thương mại - Có lãi trong 03 năm liên tục liền trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài được thể hiện trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán và không có ý kiến ngoại trừ trọng yếu theo quy định của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập không nằm trong danh sách các tổ chức kiểm toán không được kiểm toán đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố;	Điều 23 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 16/2019/NĐ-CP)

		- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, không có nợ thuế với ngân sách nhà nước; - Có quy định nội bộ về quản lý hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, trong đó có nội dung về nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động nhận ủy thác để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; - Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật chuyên ngành về các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức nhận ủy thác.	
		15. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức tự doanh là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp - Được phép hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế; - Có lãi trong 03 năm liên tục liền trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài được thể hiện trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán và không có ý kiến ngoại trừ trọng yếu theo quy định của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính phải được kiểm toán bởi các tổ chức kiểm toán độc lập không nằm trong danh sách các tổ chức kiểm toán không được kiểm toán đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước công bố; - Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, không có nợ thuế với ngân sách nhà nước; - Có quy trình nội bộ, cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; - Tuân thủ quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng.	Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 16/2019/NĐ-CP)
		16. Điều kiện để Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo phương pháp định	Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2025/TT-

		tính - Có Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ phù hợp với hoạt động kinh doanh, đối tượng khách hàng, tính chất rủi ro của khoản nợ và có thời gian thử nghiệm tối thiểu 01 (một) năm; - Có chính sách dự phòng rủi ro theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN. - Có chính sách quản lý rủi ro tín dụng, mô hình giám sát rủi ro tín dụng, phương pháp xác định, đo lường rủi ro tín dụng (trong đó bao gồm cách thức đánh giá về khả năng trả nợ của khách hàng theo hợp đồng tín dụng, tài sản bảo đảm, khả năng thu hồi nợ) và quản lý nợ; - Phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) trong việc phê duyệt, ban hành và kiểm tra thực hiện Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, chính sách dự phòng rủi ro của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tính độc lập của các bộ phận quản lý rủi ro.	NHNN)
		17. Điều kiện để chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận áp dụng chính sách dự phòng rủi ro của ngân hàng nước ngoài để phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được áp dụng chính sách dự phòng rủi ro của ngân hàng nước ngoài để phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro khi đáp ứng điều kiện 03 năm tài chính gần nhất trước thời điểm đề nghị NHNN chấp thuận, tổng số tiền trích lập dự phòng cụ thể hằng năm được xác định theo chính sách dự phòng rủi ro của ngân hàng nước ngoài dự kiến áp dụng không thấp hơn tổng số tiền trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hằng năm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2024/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 86/2024/NĐ-CP
		18. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân	- Khoản 2 Điều 29 Luật Các tổ chức

		hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài a) Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định; b) Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn; c) Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các TCTD bao gồm: - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này; + Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; + Có trình độ từ đại học trở lên; + Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu	tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15; - Điều 5, Điều 6 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP; - Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 56/2024/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2026/TT-NHNN).
--	--	---	--

		chuẩn, điều kiện sau đây: + Không phải là người đang làm việc cho tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kề trước đó; + Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng đó, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng; + Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng đó, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó; + Không đại diện sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng đó; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng đó; + Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó. - Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41 Luật các TCTD; + Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; + Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;	
--	--	---	--

		+ Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng đó; + Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. - Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này; + Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; + Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; + Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. - Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật các TCTD; đối với Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) phải không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các TCTD; + Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở	
--	--	--	--

		lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; + Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm; + Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán. d) Điều lệ phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng. e) Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính; g) Hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính; i) Tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đáp ứng các quy định về bảo đảm an toàn hoạt động theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính; k) Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ	
--	--	---	--

		chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài; bảo đảm tổ chức tín dụng này duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật này; l) Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài; m) Điều kiện đối với chủ sở hữu là tổ chức tín dụng nước ngoài của ngân hàng 100% vốn nước ngoài: + Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép. + Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau: (i) Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings; (ii) Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm a khoản	
--	--	--	--

		này từ mức ổn định trở lên. + Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép. + Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. + Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép. + Không phải là chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác. + Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài. n) Điều kiện đối với thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh: + Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là tổ chức tín dụng nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 5 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP. + Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện đối với ngân hàng thương mại quy định tại khoản 1, 4 Điều 4 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP. + Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là doanh nghiệp không phải ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện sau:	
--	--	---	--

		(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài; (ii) Phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép tham gia góp vốn vào ngân hàng liên doanh đối với trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước; (iii) Trường hợp là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm; (iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm liên kế trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với phần vốn góp từ trên 1% đến dưới 5% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh hoặc có vốn chủ sở hữu tối thiểu 200 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 400 tỷ đồng trong 03 năm liên kế trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với phần vốn góp từ 1% vốn điều lệ trở xuống của ngân hàng liên doanh; (v) Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán của năm liên kế trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (vi) Kinh doanh có lãi trong 03 năm liên kế trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; (vii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; (viii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội	
--	--	---	--

		đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (ix) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; (x) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng và không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép. + Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh. o) Điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài: a) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép; b) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.	
		19. Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài a) Có vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định; b) Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là	- Khoản 3 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15; - Điều 7 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP; - Khoản 2 Điều 9 Thông tư số

		cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn; c) Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các TCTD bao gồm: - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này; + Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; + Có trình độ từ đại học trở lên; + Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Không phải là người đang làm việc cho tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kề trước đó; + Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của	56/2024/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2026/TT-NHNN).
--	--	--	--

		tổ chức tín dụng đó, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng; + Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng đó, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó; + Không đại diện sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng đó; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng đó; + Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó. - Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41 Luật các TCTD; + Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; + Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; + Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng đó; + Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. - Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:	
--	--	--	--

		+ Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này; + Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; + Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; + Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. - Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật các TCTD; đối với Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) phải không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các TCTD; + Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;	
--	--	--	--

		+ Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm; + Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán. d) Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng. đ) Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính; e) Hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính; g) Tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đáp ứng các quy định về bảo đảm an toàn hoạt động theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính; k) Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài. l) Ngân hàng nước ngoài phải có văn bản bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn	
--	--	---	--

		được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật này; m) Trường hợp đề nghị thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài thứ hai trở lên tại Việt Nam, ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam trong 03 năm liền kề trước năm đề nghị thành lập chi nhánh mới không vi phạm quy định của pháp luật, các tỷ lệ bảo đảm an toàn và có kết quả kinh doanh có lãi. n) Điều kiện đối với ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài - Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép. - Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau: Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings; Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm a khoản này từ mức ổn định trở lên. - Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi	
--	--	---	--

		tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép. o) Điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài: - Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 20 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép; - Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.	
		20. Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động Văn phòng đại diện nước ngoài - Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng là pháp nhân được phép hoạt động ngân hàng ở nước ngoài; - Quy định pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.	Khoản 4 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15
		21. Điều kiện chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài Nhân sự dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tuân thủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, cụ thể: - Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng; - Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính,	Điều 8 Thông tư số 20/2025/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 48/2025/TT-NHNN, Thông tư số 11/2026/TT-NHNN)

		ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; - Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; - Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.	
		22. Điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm - LPBank chỉ được thay đổi địa điểm phòng giao dịch bưu điện trong trường hợp điểm Bưu cục hoặc Điểm bưu điện văn hóa xã nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm trong cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối trực tuyến với trụ sở chính và chi nhánh quản lý; đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục, an toàn, bảo mật cho các hoạt động nghiệp vụ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan. - Đáp ứng các yêu cầu về an toàn kho quỹ, bảo quản tiền mặt, giấy tờ có giá, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật. - Trường hợp phòng giao dịch bưu điện không có kho tiền theo quy định của Ngân hàng Nhà nước: (i) Trường hợp trên cùng đơn vị hành chính cấp xã hoặc đơn vị hành chính cấp xã liền kề nơi đặt phòng giao dịch bưu điện, LPBank có kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, LPBank phải chịu trách nhiệm vận chuyển tiền của các phòng giao dịch bưu điện không có kho tiền theo quy định về kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định sau khi kết thúc giờ giao dịch mỗi ngày làm việc; (ii) Trường hợp trên cùng đơn vị hành chính cấp xã và đơn vị hành	Điều 8 Thông tư số 43/2015/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 27/2022/TTNHNN, Thông tư số 11/2023/TT-NHNN, Thông tư số 08/2025/TT-NHNN; Thông tư số 69/2025/TT-NHNN)

		chính cấp xã liền kề nơi đặt phòng giao dịch bưu điện, LPBank không có kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, LPBank phải chịu trách nhiệm vận chuyển tiền của các phòng giao dịch bưu điện không có kho tiền sau khi trừ hạn mức tồn quỹ tiền mặt cuối ngày về kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định sau khi kết thúc giờ giao dịch mỗi ngày làm việc. LPBank có trách nhiệm xây dựng quy định hạn mức tồn quỹ tiền mặt và có các biện pháp đảm bảo an toàn tiền mặt tồn quỹ cuối ngày tại các phòng giao dịch bưu điện, báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện để giám sát.	
2	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	1. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng a) Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định; b) Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn; c) Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các TCTD bao gồm: - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này; + Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; + Có trình độ từ đại học trở lên;	- Khoản 1 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15; - Điều 8, Điều 9 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP; - Điều 9 Thông tư số 57/2024/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-NHNN, Thông tư số 11/2026/TT-NHNN).

		+ Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Không phải là người đang làm việc cho tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kề trước đó; + Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng đó, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng; + Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng đó, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó; + Không đại diện sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng đó; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng đó; + Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề	
--	--	---	--

		trước đó. - Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41 Luật các TCTD; + Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; + Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; + Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng đó; + Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. - Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này; + Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; + Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; + Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.	
--	--	--	--

		- Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: + Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật các TCTD; đối với Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) phải không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các TCTD; + Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; + Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm; + Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán. d) Điều lệ phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng. e) Điều kiện đối với cổ đông sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng: - Không phải là cổ đông chiến lược, cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành	
--	--	--	--

		lập và hoạt động tại Việt Nam. - Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn. - Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024, cổ đông sáng lập là cá nhân phải tuân thủ các quy định sau đây: + Mang quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; + Không thuộc những đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan; + Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần; + Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 năm liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc có bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; + Không bị kết án về tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng mà chưa được xóa án tích; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, mua trái phiếu doanh nghiệp trong vòng 05 năm liên tiếp liên tiếp trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép. - Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024, cổ đông sáng lập là tổ chức phải tuân thủ các quy định sau đây: + Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;	
--	--	--	--

		+ Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần; + Kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; + Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; đ) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; + Đối với tổ chức là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam): Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp; Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, bảo hiểm; + Đối với ngân hàng thương mại Việt Nam: Có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; Không vi phạm các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được	
--	--	---	--

		xem xét cấp Giấy phép; Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng; Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép. g) Điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng: - Thành viên sáng lập là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam) phải tuân thủ các quy định sau đây: + Các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 và các điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP; + Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp; + Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, bảo hiểm; + Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép. - Chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam (trừ trường hợp chủ sở hữu quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP) phải tuân thủ các quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 và các điểm c, d, đ, g khoản 4 Điều 8 Nghị	
--	--	--	--

		định số 162/2024/NĐ-CP. - Chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau đây: + Đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; + Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; + Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau: Thứ hạng tín nhiệm từ mức A- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức A3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp sử dụng xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế khác, tổ chức đó phải được Cơ quan Giám sát Thị trường và Chứng khoán Châu Âu (The European Securities and Markets Authority – ESMA) đăng ký hoặc xác nhận, hoặc tổ chức đó phải được quốc gia thuộc Nhóm các nước G7 cho phép xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Việt Nam, thứ hạng tín nhiệm phải từ mức A trở lên; Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm này từ mức ổn định trở lên. + Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; + Không phải là cổ đông chiến lược, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động	
--	--	--	--

		tại Việt Nam. - Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, chủ sở hữu, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024. - Chủ sở hữu là ngân hàng thương mại Việt Nam được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt phải tuân thủ các quy định sau đây: + Quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 và điểm d khoản 4 Điều 8 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP; + Có mức vốn điều lệ tối thiểu bằng tổng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại và mức vốn pháp định đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; + Thời hạn sở hữu quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt. i) Điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép: - Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép; - Kinh doanh có lãi trong 03 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.	
		2. Điều kiện thành lập chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng - Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá 03 chi nhánh trong 01	Điều 7 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 30/2024/TT-NHNN; Thông tư số 69/2025/TT-NHNN, Thông tư số 13/2026/TT-NHNN)

		năm tài chính khi đáp ứng các điều kiện sau: + Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị. Điều kiện này không áp dụng đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị vào năm thứ hai tính từ ngày khai trương hoạt động; + Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động; + Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị và tại thời điểm đề nghị không vượt quá 4% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc trong từng thời kỳ; + Tại thời điểm đề nghị, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc; + Có Quy chế về quản lý mạng lưới theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN; + Có Đề án thành lập chi nhánh. - Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá 02 chi nhánh khi đáp ứng các điều kiện sau: + Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước tháng đề nghị không vượt quá 4% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc trong từng thời kỳ; + Các quy định tại điểm b, d, đ, e khoản 1 Điều 7 Thông tư số	
--	--	---	--

		53/2018/TT-NHNN bao gồm: (i) Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động; (ii) Tại thời điểm đề nghị, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc; (iii) Có Quy chế về quản lý mạng lưới theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN; (iv) Có Đề án thành lập chi nhánh.	
		3. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng - Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động	Điều 8 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 30/2024/TT-NHNN; Thông tư số 69/2025/TT-NHNN, Thông tư số 13/2026/TT-NHNN)
		4. Điều kiện để chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: - Tại thời điểm đề nghị, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc. - Trường hợp công ty tài chính chuyên ngành chuyển đổi loại hình thành công ty tài chính tổng hợp, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau: + Hoạt động kinh doanh có lãi liên tục ít nhất trong 02 năm liền kề trước năm đề nghị chuyển đổi loại hình và đến tháng liền kề	Điều 21 Thông tư số 62/2024/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 26/2025/TT-NHNN, Thông tư số 69/2025/TT-NHNN, Thông tư số 11/2026/TT-NHNN)

		trước thời điểm đề nghị chuyển đổi loại hình; + Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong thời gian 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị; + Tuân thủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật liên tục trong các quý của năm liền kề trước năm đề nghị chuyển đổi loại hình và các quý đến thời điểm đề nghị chuyển đổi loại hình; + Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị chuyển đổi loại hình; + Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng phạm vi hoạt động	
3	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	1. Điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô * Điều kiện thành lập chi nhánh <i>Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị thành lập phải đảm bảo các điều kiện sau:</i> - Có cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ; hệ thống kiểm soát nội bộ; hoạt động cấp tín dụng; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động đảm bảo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận; - Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng	Điều 11, Điều 12 Thông tư số 19/2025/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2025/TT-NHNN, Thông tư số 14/2026/TT-NHNN)

		thời kỳ; - Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; - Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận; - Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị; - Không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động tại thời điểm đề nghị; - Đảm bảo số lượng chi nhánh theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 19/2025/TT-NHNN. <i>Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị thành lập phải đảm bảo các điều kiện sau:</i> - Có cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ; hệ thống kiểm soát nội bộ; hoạt động cấp tín dụng; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động đảm bảo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong các tháng liền kề từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận;	
--	--	--	--

		- Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; - Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liền tiếp liền kề trước thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động trên 03 tháng) hoặc trong các tháng liền kề trước thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 03 tháng) và tại thời điểm chấp thuận; - Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị; - Các quy định tại các điểm b, e, g khoản 1 Điều 11 Thông tư số 19/2025/TT-NHNN bao gồm: (i) Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; (ii) Không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động tại thời điểm đề nghị; (iii) Đảm bảo số lượng chi nhánh theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 19/2025/TT-NHNN. * Điều kiện thành lập phòng giao dịch - Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 11 Thông tư số 19/2025/TT-NHNN bao gồm: (i) Có cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ; hệ thống kiểm soát nội bộ; hoạt động cấp tín dụng; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động	
--	--	---	--

		đảm bảo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận; (ii) Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; (iii) Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; (iv) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận; (v) Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị; (vi) Không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động tại thời điểm đề nghị; - Đáp ứng yêu cầu về số lượng phòng giao dịch được thành lập theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 19/2025/TT-NHNN. - Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng các điều kiện sau: + Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị; + Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền	
--	--	---	--

		kể năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; + Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.	
		2. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô - Có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị. - Không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động tại thời điểm đề nghị	Điều 13 Thông tư số 19/2025/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2025/TT-NHNN, Thông tư số 14/2026/TT-NHNN)
		3. Điều kiện cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô - Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép. - Chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải đảm bảo các điều kiện sau: + Là tổ chức chính trị - xã hội cấp trung ương; + Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;	Điều 12, Điều 13 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP

		+ Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam. - Thành viên sáng lập của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải đảm bảo các điều kiện sau: + Có ít nhất một thành viên góp vốn là tổ chức chính trị - xã hội cấp trung ương đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này; + Có ít nhất một thành viên góp vốn là pháp nhân đã hoặc đang trực tiếp tham gia quản lý hoặc điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, bền vững trong ít nhất 03 năm liên tiếp trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép; không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; + Thành viên góp vốn khác là pháp nhân: Được thành lập theo pháp luật của Việt Nam; Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam; không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;	
--	--	--	--

		Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 02 năm liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép; Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp phải hoạt động kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm. - Có người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. - Có Điều lệ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan. - Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03	
--	--	--	--

		năm đầu hoạt động.	
		4. Điều kiện chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban kiểm soát, tổng giám đốc (giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô * Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng thành viên: - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng. - Không phải là người đang quản lý, điều hành của chương trình, dự án tài chính vi mô; của tổ chức phi chính phủ đang thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. - Có đạo đức nghề nghiệp. - Có trình độ từ đại học trở lên. - Có một trong các điều kiện sau đây: + Có ít nhất 02 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; + Có ít nhất 03 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật; + Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; + Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. * Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát: - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng. - Có đạo đức nghề nghiệp. - Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật và có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực	Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 19 Thông tư số 54/2025/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2026/TT-NHNN)

		có liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô. - Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. * Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng giám đốc (Giám đốc): - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng. - Không phải là người đang quản lý, điều hành của chương trình, dự án tài chính vi mô; của tổ chức phi chính phủ đang thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. - Có đạo đức nghề nghiệp. - Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật. - Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc ít nhất 02 năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí quản lý (từ Trưởng bộ phận trở lên) trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính (bao gồm cả lĩnh vực tài chính vi mô), ngân hàng, kế toán, kiểm toán. - Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. * Về đánh giá có đạo đức nghề nghiệp đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô Nhân sự dự kiến không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 54/2025/TT-NHNN phải đáp ứng các quy định như sau: - Nhân sự dự kiến đã, đang công tác tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ áp dụng đối	
--	--	--	--

		với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; - Nhân sự dự kiến phải đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do tổ chức tài chính vi mô ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ áp dụng đối với tổ chức tài chính vi mô.	
		5. Điều kiện chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của tổ chức tín dụng là hợp tác xã Nhân sự dự kiến không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 73/2025/TT-NHNN phải đáp ứng các quy định như sau: - Nhân sự dự kiến đã, đang công tác tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; - Nhân sự dự kiến phải đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do tổ chức tín dụng là hợp tác xã ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ áp dụng đối với tổ chức tín dụng là hợp tác xã.	Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 73/2025/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2026/TT-NHNN)
		6. Điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã <i>*Điều kiện thành lập chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã</i> - Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận; tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không	Điều 10, Điều 12 Thông tư số 53/2025/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2026/TT-NHNN)

		vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. - Có cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ; hệ thống kiểm soát nội bộ; hoạt động cấp tín dụng; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động đảm bảo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận. - Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị. - Không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp không được mở rộng mạng lưới. - Đảm bảo số lượng chi nhánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 53/2025/TT-NHNN <i>*Điều kiện thành lập phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã</i> - Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 10 Thông tư số 53/2025/TT-NHNN gồm: + Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận; tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. + Có cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ; hệ thống kiểm soát nội bộ; hoạt động cấp tín dụng; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn	
--	--	--	--

		trong hoạt động đảm bảo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận. + Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị. + Không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp không được mở rộng mạng lưới. - Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đảm bảo các điều kiện sau: + Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị; + Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về cấp tín dụng, hạn chế, giới hạn cấp tín dụng; phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị; + Phòng giao dịch được đề nghị thành lập phải đặt trụ sở trên địa bàn hoạt động của chi nhánh; + Đảm bảo số lượng phòng giao dịch theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư số 53/2025/TT-NHNN	
		7. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã - Không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp không được mở rộng mạng lưới.	Điều 11 Thông tư số 53/2025/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2026/TT-NHNN)
		8. Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân - Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép.	Điều 10, Điều 11 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP

		- Có tối thiểu 30 thành viên đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 162/2024/NĐ-CP, có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân. - Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 6 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng. - Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. - Có Điều lệ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan. - Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 năm đầu hoạt động. - <i>Điều kiện đối với thành viên sáng lập quỹ tín dụng nhân dân:</i> + Đối với cá nhân: (i) Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp đăng ký tạm trú, cá nhân phải có hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc là người lao động làm việc trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân và phải có tài liệu chứng minh về vấn đề này; (ii) Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang phải chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; người đã bị kết án từ tội phạm nghiêm trọng trở lên mà chưa được xóa án tích; (iii) Không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan.	
--	--	--	--

		+ Đối với hộ gia đình: (i) Là hộ gia đình có các thành viên thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; các thành viên trong hộ có chung tài sản để phục vụ sản xuất, kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình; (ii) Các thành viên của hộ gia đình phải cử một thành viên của hộ gia đình làm người đại diện để thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên quỹ tín dụng nhân dân. Người đại diện của hộ gia đình phải được các thành viên của hộ gia đình ủy quyền đại diện bằng văn bản theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. + Đối với pháp nhân: (i) Là pháp nhân (trừ Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện) đang hoạt động bình thường và có trụ sở chính đặt tại địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; (ii) Người đại diện của pháp nhân tham gia thành viên của quỹ tín dụng nhân dân là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân hoặc cá nhân được người đại diện theo pháp luật của pháp nhân ủy quyền tham gia.	
		9. Điều kiện thành lập phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân - Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận; tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không	Điều 30 Thông tư số 53/2025/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2026/TT-NHNN)

		vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. - Có cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ; hệ thống kiểm soát nội bộ; hoạt động cho vay; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động đảm bảo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận. - Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập phòng giao dịch hoặc hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính trong trường hợp quy định của Ngân hàng Nhà nước chưa yêu cầu phải thực hiện kiểm toán độc lập. - Không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp không được mở rộng mạng lưới. - Đảm bảo số lượng phòng giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 53/2025/TT-NHNN.	
		10. Điều kiện tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân - Có Phương án tổ chức lại khả thi, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên có liên quan, được xây dựng và thông qua theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 10/2025/TT-NHNN. - Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại phải có báo cáo tài chính của năm liền kề đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. - Quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ góp vốn của thành viên; cơ cấu tổ chức, quản lý; tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh (Phòng giao dịch); tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định so với vốn điều lệ	Điều 8 Thông tư số 10/2025/TT-NHNN (được sửa đổi bởi Thông tư số 63/2025/TT-NHNN)

		và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động và bảo đảm giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định. - Đối với trường hợp chia, tách quỹ tín dụng nhân dân, ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Thông tư số 10/2025/TT-NHNN, quỹ tín dụng nhân dân bị chia, tách phải đáp ứng các điều kiện sau: + Có tổng tài sản ở mức trên 500 tỷ đồng tại thời điểm đề nghị hoặc thuộc trường hợp phải xử lý địa bàn hoạt động là các xã không liền kề với xã nơi đặt trụ sở chính theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); + Quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới có tổng tài sản tối thiểu là 100 tỷ đồng.	
		11. Điều kiện chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô - Tổ chức tài chính vi mô chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trong phạm vi địa bàn hoạt động quy định. - Tổ chức tài chính vi mô không được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch từ vùng nông thôn đến khu vực không phải vùng nông thôn trừ trường hợp do thay đổi địa giới đơn vị hành chính. Việc xác định địa điểm của chi nhánh, phòng giao dịch thuộc vùng nông thôn căn cứ vào khu vực địa giới đơn vị hành chính tại thời điểm đề nghị thay đổi địa điểm và tại thời điểm chấp thuận.	Khoản 1, khoản 2 Điều 20 Thông tư số 19/2025/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2025/TT-NHNN)
4	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách	1. Điều kiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được cung	- Điều 19 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP; - Điều 16 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP;

	hàng; cung ứng dịch vụ tiền di động	ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng: a) Có hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đáp ứng yêu cầu về bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật và yêu cầu về bảo đảm hoạt động liên tục; b) Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin, kế toán, kiểm toán, bưu chính, viễn thông hoặc có ít nhất 05 năm kinh nghiệm là người quản lý, người điều hành của tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, trung gian thanh toán, công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông; không thuộc những đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật; c) Có quy trình nghiệp vụ kỹ thuật đối với từng loại dịch vụ; có biện pháp đảm bảo khả năng thanh toán, duy trì số dư tài khoản thanh toán của đơn vị mình tại ngân hàng và tiền mặt lớn hơn số tiền phải trả cho khách hàng tại thời điểm chi trả; quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ; cơ chế quản lý rủi ro; quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; quy trình giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp; quy định quyền và trách nhiệm của các bên có liên quan; d) Có phương án thu gom, vận chuyển tiền mặt đảm bảo cuối ngày nộp vào tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng, đảm bảo an ninh, an toàn đối với việc luân chuyển tiền mặt; trang bị các thiết bị đảm bảo việc giao nhận, bảo quản tiền mặt, quy định	- Điều 3 Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP.
--	---	---	--

		hạn mức chuyển tiền, nhận tiền, mức tồn quỹ tại các điểm cung cấp dịch vụ.	
		2. Điều kiện cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cụ thể như sau: a) Có giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; b) Có vốn điều lệ thực góp hoặc được cấp tối thiểu: 50 tỷ đồng đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử; 300 tỷ đồng đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, dịch vụ bù trừ điện tử; c) Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm là người quản lý, người điều hành của tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của pháp luật; d) Có Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị cấp Giấy phép được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phê duyệt đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật; đ) Đối với dịch vụ ví điện tử và dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ cho các khách hàng có tài khoản tại nhiều ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ phải được một tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính và dịch vụ bù trừ điện tử được Ngân hàng Nhà nước cấp phép để thực hiện chuyển mạch giao dịch tài chính và xử lý bù trừ các nghĩa vụ	- Điều 22 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP; - Điều 16 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; - Điều 3 Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP.

		phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức; e) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, ngoài các điều kiện quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d nêu trên, tổ chức cung ứng dịch vụ phải: đảm bảo không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; có thỏa thuận kết nối với ít nhất 50 ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tổng vốn điều lệ trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chiếm trên 65% tổng vốn điều lệ của các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hệ thống các tổ chức tín dụng và ít nhất 20 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; có cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng tối thiểu theo yêu cầu về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 4 theo quy định của pháp luật, đảm bảo khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống kỹ thuật của tổ chức tham gia có thỏa thuận kết nối; có hệ thống máy chủ thực hiện theo quy định pháp luật và đáp ứng năng lực xử lý tối thiểu 10 triệu giao dịch thanh toán/ngày. Tổ chức tham gia không được kết nối quá 02 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử; g) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, tổ chức cung ứng dịch vụ phải có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chuyển mạch tài chính còn hiệu lực; được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế kết nối với tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế phải được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài.	
		3. Điều kiện cung ứng dịch vụ Tiền di động Tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cung ứng dịch vụ Tiền di động khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các tiêu chí hoạt động sau đây	Điều 20 Nghị định số 368/2025/NĐ-CP

		trong quá trình cung ứng dịch vụ: - Có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đối với dịch vụ ví điện tử còn hiệu lực. - Có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện còn hiệu lực hoặc là công ty con được công ty mẹ có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện còn hiệu lực cho sử dụng hạ tầng, mạng lưới, dữ liệu viễn thông để cung ứng dịch vụ Tiền di động theo quy định của pháp luật. - Có phương án hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. - Có Hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu sau: + Có hệ thống đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật. Hạ tầng công nghệ thông tin và các giải pháp phục vụ cung ứng dịch vụ Tiền di động phải đảm bảo hoạt động liên tục, an toàn trong suốt quá trình cung ứng dịch vụ Tiền di động; + Phải có công cụ, giải pháp phù hợp xác định được chính xác địa chỉ giao thức Internet (Internet Protocol - IP), thuê bao sử dụng để có thể truy vết được đối tượng khách hàng thực sự sử dụng tài khoản Tiền di động; + Phải có hệ thống lưu trữ lịch sử giao dịch Tiền di động phát sinh (như: giao dịch nạp tiền, nhận tiền, rút tiền, chuyển tiền và thanh toán hàng hóa, dịch vụ); hệ thống lưu trữ thông tin định danh khách hàng, thông tin định danh thiết bị, địa chỉ IP (trừ giao dịch USSD), địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - nếu có (trừ giao dịch USSD), mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế nếu có, thời gian giao dịch, nội dung giao dịch,	
--	--	--	--

		tài khoản gửi, tài khoản nhận, số dư, vị trí giao dịch,... từ khi khách hàng mở đến khi đóng tài khoản, trong đó có các thông tin truy vết người sử dụng dịch vụ (đối với các tài khoản Tiền di động đã đóng vẫn phải lưu trữ thông tin tối thiểu 02 năm); đồng thời phải có bản sao lưu các thông tin lưu trữ nhằm phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thông tin địa chỉ IP, thời gian đăng nhập phải lưu giữ tối thiểu 02 năm. Đối với các tài liệu kế toán, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải lưu trữ theo quy định của Luật Kế toán.	
5	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng	1. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng (i) Có hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu tối thiểu sau đây: + Có tối thiểu 02 đường truyền số liệu, mỗi đường truyền của 01 nhà cung cấp dịch vụ; + Có cơ sở hạ tầng thông tin có khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống thông tin của tổ chức tham gia; + Có hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật có khả năng thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng đối với tối thiểu 5.000.000 khách hàng vay; + Có phương án bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin; + Có phương án dự phòng thảm họa, đảm bảo không bị gián đoạn các hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng quá 04 giờ làm việc. (ii) Có vốn điều lệ tối thiểu 30 tỷ đồng. (iii) Có người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát đáp ứng yêu cầu sau đây: + Người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát không phải là người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên, người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được	- Điều 9 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 133/2024/NĐ-CP) - Điều 16 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP;

		xóa án tích; người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát của công ty thông tin tín dụng bị thu hồi Giấy chứng nhận (trừ trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 14 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10/6/2021 (đã được sửa đổi, bổ sung)); + Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty có bằng đại học hoặc Trên đại học và có ít nhất 03 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin; + Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh có bằng đại học hoặc trên đại học, trong đó ít nhất 50% số thành viên có ít nhất 03 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin; + Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) có bằng đại học hoặc trên đại học và có ít nhất 02 năm giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin; + Thành viên Ban kiểm soát có bằng đại học hoặc trên đại học và có ít nhất 02 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin. - Có phương án kinh doanh đảm bảo không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. - Có tối thiểu 15 tổ chức tham gia là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô). Các tổ chức tham gia không có cam kết cung cấp thông tin tín dụng với công ty thông tin tín dụng khác. - Có văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tham gia theo mẫu số 01 Phụ lục I.14 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ	
--	--	---	--

		về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.	
6	Kinh doanh vàng, trừ vàng trang sức, mỹ nghệ	1. Điều kiện cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ - Là doanh nghiệp có đăng ký hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; - Nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu phù hợp với hợp đồng gia công hoặc hợp đồng xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ.	Điều 14 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)
		2. Điều kiện cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng - Là doanh nghiệp có đăng ký hoạt động khai thác vàng trong Giấy chứng nhận đầu tư; - Vàng nguyên liệu dự kiến nhập khẩu là do doanh nghiệp khai thác ở nước ngoài hoặc được phân chia sản phẩm theo thỏa thuận khai thác vàng ở nước ngoài.	Điều 14 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP)
		3. Điều kiện cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài - Nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu phù hợp với hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.	Điều 14 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP)
		4. Điều kiện cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam - Là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có Giấy phép khai thác vàng; - Vàng nguyên liệu dự kiến xuất khẩu là do doanh nghiệp khai thác ở trong nước.	Điều 14 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP)

	5. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng <i>* Doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:</i> a) Là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật. b) Có vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng trở lên. c) Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh mua, bán vàng từ 2 (hai) năm trở lên. d) Có số thuế đã nộp của hoạt động kinh doanh vàng từ 500 (năm trăm) triệu đồng/năm trở lên trong 2 (hai) năm liên tiếp gần nhất (có xác nhận của cơ quan thuế). đ) Có mạng lưới chi nhánh, địa điểm bán hàng tại Việt Nam từ 3 (ba) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên. <i>* Tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:</i> a) Có vốn điều lệ từ 3.000 (ba nghìn) tỷ đồng trở lên. b) Có đăng ký hoạt động kinh doanh vàng. c) Có mạng lưới chi nhánh tại Việt Nam từ 5 (năm) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.	Điều 11 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP)
	6. Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng <i>* Doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:</i> a) Có Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;	Điều 11a Nghị định số 24/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP)

	b) Có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên; c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh vàng hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh vàng nhưng đã thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các kiến nghị có thời hạn thực hiện tại Kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); d) Có quy định nội bộ quy định về sản xuất vàng miếng bao gồm những nội dung cơ bản như quy trình nhập nguyên liệu; quy trình sản xuất vàng miếng; quy trình giám sát sản xuất; quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm. <i>* Ngân hàng thương mại được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:</i> a) Có Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng; b) Có vốn điều lệ từ 50.000 tỷ đồng trở lên; c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh vàng hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh vàng nhưng đã thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các kiến nghị có thời hạn thực hiện tại Kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); d) Có quy định nội bộ quy định về sản xuất vàng miếng bao gồm những nội dung cơ bản như quy trình nhập nguyên liệu; quy trình sản xuất vàng miếng; quy trình giám sát sản xuất; quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm.	
--	--	--